

Bản án số: 25/2019/DS-PT

Ngày: 22 - 02 - 2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Hà Thanh Hùng

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 và ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 154/2018/ DS-ST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 350 /2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Hoa Đ, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Số 24, đường L, khóm 5, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trần Tuấn K, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Nhà không số, đường L, khóm 5, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Ông Trần Tuấn K – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Hoa Đ trình bày:

Vào ngày 15/6/2017 (âm lịch) bà mở 01 dây hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, có 38 chung, mỗi tháng khai 02 kỳ, đến ngày 30/11/2018 (âm lịch) mãn hụi, (do tháng 6/2017 âm lịch nhuận). Dây hụi này ông K tham gia 01 chung. Ông K đóng hụi đến kỳ thứ 03 thì hốt hụi, số tiền là 140.500.000 đồng. Sau khi hốt hụi ông K đóng hụi chết đến kỳ thứ 19 thì ngưng. Tính đến ngày mãn hụi ông K còn nợ lại 19 kỳ hụi chết tương ứng số tiền là 95.000.000 đồng, sau đó ông K và bà có thỏa thuận là ông K giao cho bà số tiền 38.000.000 đồng, đối trừ số tiền hụi còn lại tính đến ngày mãn hụi ông K còn nợ bà số tiền là 57.000.000 đồng. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 02/11/2018 dương lịch – ngày 25/9/2018 âm lịch) ông K còn nợ bà số tiền hụi là 32.000.000 đồng, nhiều lần bà yêu cầu đóng hụi nhưng ông K không thực hiện. Nay bà Đ yêu cầu Tòa án buộc ông K thanh toán số tiền hụi là 32.000.000 đồng.

Tính từ ngày 02/11/2018 (dương lịch) đến ngày mãn hụi còn 05 kỳ tương ứng số tiền là 25.000.000 đồng bà không yêu cầu, số tiền hụi chết này ông K tiếp tục đóng hụi theo từng kỳ hụi, nếu sau này có tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

Đối với yêu cầu phản tố của ông K, bà Đ không đồng ý thanh toán số tiền vay 57.000.000 đồng, vì bà Đ không liên quan đến việc vay nợ mà do bà N vay từ ông K.

- Theo bị đơn ông Trần Tuấn K trình bày (người có yêu cầu phản tố):

Quá trình giao dịch hụi như bà Đ trình bày là đúng. Vào ngày 18/6/2017 (âm lịch) bà Đ giao tiền hốt hụi là 140.500.000 đồng, bà Đ có hỏi vay lại của ông số tiền là 50.000.000 đồng vào ngày 18/7/2018 (âm lịch), ông giao tiền tại nhà bà Đ, thỏa thuận lãi suất 7%/tháng, mỗi tháng bà Đ đóng cho ông 3.500.000 đồng tiền lãi, sau khi đối trừ tiền lãi thì mỗi tháng ông đóng hụi chết cho bà Đ 6.500.000 đồng.

Khi vay giữa ông và bà Đ chỉ thỏa thuận miệng, không viết biên nhận. Sau khi hốt hụi, ông đóng hụi cho bà Đ đến kỳ thứ 19 thì ngưng. Ngày 08/4/2018 (âm lịch) ông và bà Đ đối chiếu tiền hụi, tiền vay. Tính đến ngày mãn hụi (ngày 30/11/2018 âm lịch) ông còn nợ bà Đ 19 kỳ hụi với tổng số tiền là 95.000.000 đồng. Sau đó ông và bà Đ thỏa thuận đối trừ số tiền vay bà Đ còn nợ ông là 57.000.000 đồng (trong đó vốn 50.000.000 đồng, và lãi 7.000.000 đồng) thì ông còn nợ bà Đ số tiền là 38.000.000 đồng. Cùng ngày 08/4/2018 (âm lịch) ông vay của bà Trần Thị L số tiền là 38.000.000 đồng để đưa số tiền 38.000.000 đồng cho bà Đ. Như vậy, sau khi đối trừ ông đã thanh toán đủ số tiền nợ hụi cho bà Đ tính đến ngày mãn hụi. Nay bà Đ yêu cầu ông trả tiền nợ hụi 32.000.000 đồng, ông

không đồng ý. Trường hợp bà Đ yêu cầu tiền hui thì ông K có đơn yêu cầu phản tố buộc bà Đ phải trả cho ông số tiền vốn vay 50.000.000 đồng và 7.000.000 đồng tiền lãi.

- Theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N trình bày:

Vào ngày 01/6/2017 bà có vay của ông K số tiền là 50.000.000 đồng, bà là người trực tiếp vay tiền của ông K. Khi vay không viết biên nhận, chỉ thỏa thuận miệng lãi suất 9%/tháng, mỗi tháng bà phải đóng lãi cho ông K là 4.500.000 đồng. Bà trực tiếp vay và nhận 50.000.000 đồng từ ông K và trực tiếp đóng lãi hàng tháng cho ông K, không có việc bà Đ hỏi vay tiền của ông K. Nên không có việc đối trừ tiền lãi vay với tiền hui hàng tháng giữa bà Đ với ông K như ông K trình bày. Bà thừa nhận còn nợ ông K số tiền vốn vay 50.000.000 đồng và tiền lãi là 7.000.000 đồng. Trong thời gian vay bà có đóng lãi sau đó không đóng nữa đến nay khoảng 08 tháng do bà làm ăn thất bại. Bà và ông K có thỏa thuận bà sẽ trả dần cho ông K mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, bà trả cho ông K được 01 tháng và ngưng cho đến nay. Bà xác định số tiền ông K yêu cầu bà Đ thanh toán là số tiền do bà vay ông K, không liên quan gì đến bà Đ. Nay bà đồng ý thanh toán cho ông K 50.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi là 7.000.000 đồng, tổng cộng 57.000.000 đồng nhưng bà xin trả dần.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 154/2018/ DS-ST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C quyết định:

Áp dụng các Điều 471, 463, 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Tuấn K có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị Hoa Đ số tiền hui là 32.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông K không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Tuấn K về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Hoa Đ thanh toán số tiền vay là 57.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14/11/2018 ông Trần Tuấn K có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông K buộc bà Đ thanh toán tiền vay vốn lãi là 57.000.000 đồng để đối trừ tiền hụi ông thiếu bà Đ.

Tại phiên tòa: Các đương sự vẫn bảo lưu ý kiến như trình bày trên; ngoài ra bà Đ yêu cầu ông K thanh toán tiền hụi đến khi mãn hụi; ông K giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 18/02/2019, bà N có mặt tại phiên tòa. Kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nghị án và quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập chứng cứ. Tòa án ra quyết định tạm ngừng phiên tòa, ấn định thời gian mở phiên tòa lúc 7 giờ 30 phút ngày 22/02/2019 và tổng đạt hợp lệ cho bà Huỳnh Thị N, nhưng đến giờ mở phiên tòa bà N vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà N.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông K: Ông K kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông về việc bà Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho ông tiền vay 57.000.000 đồng. Bà Đ không đồng ý vì bà không vay tiền từ ông K, mà người vay là bà Huỳnh Thị N, bà N thừa nhận có vay của ông K số tiền vốn 50.000.000 đồng và lãi 7.000.000 đồng và đồng ý thanh toán. Qua xem xét toàn bộ những chứng cứ nhận thấy: Sự việc ông K có cho vay 50.000.000 đồng vốn là thực tế có xảy ra, khi giao dịch vay không thể hiện bằng văn bản. Phía bà N xác nhận bà vay chứ không phải bà Đ, lời thừa nhận của bà N không được ông K chấp nhận, hồ sơ vụ án và bà N cũng không có chứng cứ nào để xác định bà trực tiếp vay tiền.

Đối với bà Đ không thừa nhận việc vay tiền từ ông K nhưng qua các giao dịch giữa bà Đ với ông K thể hiện: Bà Đ và ông K đều xác nhận hai bên có tính toán số hụi chết ông K phải đóng cho đến khi mãn hụi là 19 kỳ bằng 95.000.000 đồng, hụi mãn vào ngày 30/11/2018 (âm lịch), nhưng hai đương sự tính toán tổng số tiền hụi chết ông K thiếu bà Đ trước khi mãn hụi khoảng 07 tháng (vì ngày 08/4/2018 âm

lịch là ngày nhận tiền 38.000.000 đồng từ bà L cũng là ngày hai bên đối chiếu), với sự kiện này nhận thấy nếu như không có việc thanh toán dứt điểm tiền hui chết thì không có lý do gì để ông K phải tắt toán tiền hui chết trước khi mãn hui 07 tháng. Mục đích của ông K cần vốn nên mới hốt hui và trả dần theo kỳ khai hui, nhưng ở đây ông K phải vay 38.000.000 đồng để trả một lần cho bà Đ; lời khai của ông K có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ thời điểm hai bên tính toán trước khi mãn hui khoảng 07 tháng, với tổng số tiền hui chết 95.000.000 đồng, bà Đ có nhận 38.000.000 đồng cộng với số tiền vay 57.000.000 đồng thì ra đúng số tiền 95.000.000 đồng. Bà Đ cho rằng không thiếu ông K 57.000.000 đồng và không có việc đối trừ thì tại sao số tiền bà nhận từ tiền vay của bà L không phải số tiền khác mà là 38.000.000 đồng.

Ngoài ra, tại bản tự khai ngày 25/9/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2019, bà L là người giao 38.000.000 đồng xác nhận lúc giao tiền có mặt bà Đ, ông K tại nhà của bà, khi bà đưa tiền cho ông K thì ông K đếm tiền giao bà Đ và bà nghe ông K nói với bà Đ: *“Anh đưa cho em 38.000.000 đồng này thì giữa anh và em không còn dính liếu gì đến tiền hui xem như trả dứt điểm”*.

Từ những phân tích trên, xác định được bà Đ là người vay tiền từ ông K chứ không phải bà N. Vì vậy, bà Đ có nghĩa vụ thanh toán tiền cho ông K.

Xem xét số tiền bà Đ phải thanh toán: Theo ông K trình bày, ông cho vay vào ngày 18/7/2017 âm lịch, tính đến thời điểm này hơn một năm rưỡi, nếu tính lãi suất theo quy định của pháp luật thì cũng tương đương 7.000.000 đồng; trên thực tế ông K đã giao cho bà Đ một lần 38.000.000 đồng và đối trừ số tiền vốn 50.000.000 đồng trước khi hui mãn khoảng 07 tháng. Cho nên số tiền ông K yêu cầu tổng cộng 57.000.000 đồng (vốn 5.000.000 đồng, lãi 7.000.000 đồng) được chấp nhận.

Buộc bà Đ thanh toán cho ông K tổng số tiền vay 57.000.000 đồng (vốn 50.000.000 đồng, lãi 7.000.000 đồng). Trường hợp chậm thanh toán bà Đ phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Trần Tuấn K, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 154/2018/DS-ST ngày 02-11-2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

[4] Tại phiên tòa bà Đ yêu cầu ông K thanh toán tiền hui chết 05 kỳ bằng 25.000.000 đồng. Đối với yêu cầu này tại cấp sơ thẩm bà không đặt ra vì hui chưa mãn. Tại phiên tòa phúc thẩm bà yêu cầu là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Bà có quyền khởi kiện tại Tòa án sơ cấp sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm. Tuy nhiên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo nên sửa án sơ thẩm như những chứng cứ đã nhận định ở trên.

[6] Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông K không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng được nhận lại toàn bộ.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%:

Bà Đ phải chịu án phí 2.850.000 đồng, đã nộp tạm ứng án phí 1.425.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0001192 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được đối trừ, bà Đ phải nộp tiếp 1.425.000 đồng.

Ông K phải nộp 1.600.000 đồng (đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ được chấp nhận), đã nộp tạm ứng án phí 1.425.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0001476 ngày 09/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được đối trừ, ông K phải nộp tiếp 175.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Trần Tuấn K.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 154/2018/DS-ST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Tuấn K phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị Hoa Đ tiền hụi là 32.000.000 đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông K. Buộc bà Đ phải thanh toán cho ông K tiền vay 57.000.000 đồng (vốn 50.000.000 đồng, lãi 7.000.000 đồng).

Trường hợp những người được thi hành án có đơn yêu cầu nếu những người có nghĩa vụ thi hành án mà chậm thanh toán các khoản tiền thuộc về trách nhiệm của mình thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm ông K không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0001606 ngày 14/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C được nhận lại toàn bộ.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%:

Bà Đ phải chịu án phí 2.850.000 đồng, đã nộp tạm ứng án phí 1.425.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0001192 ngày 15/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được đối trừ, bà Đ phải nộp tiếp 1.425.000 đồng.

Ông K phải nộp 1.600.000 đồng, đã nộp tạm ứng án phí 1.425.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0001476 ngày 09/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được đối trừ, ông K phải nộp tiếp 175.000 đồng.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hiền

